

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN

TT, TP HÀ NỘI

Số: 165/2023/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TT, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST-DS ngày 26/10/2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** + Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1938. CCCD số: 001038005271, cấp ngày 17/8/2021, tại cục cảnh sát.

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1942. CCCD số: 001142011322, cấp ngày 9/7/2021, tại cục cảnh sát.

+ Anh Bùi Kỳ K, sinh năm: 1982. CCCD số: 001082052550, cấp ngày 10 tháng 7 năm 2021, tại cục cảnh sát.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm D, xã YB, huyện TT, thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T là: Anh Bùi Kỳ K (*văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023*).

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn S, sinh năm: 1959. CCCD số: 025059000169, cấp ngày 26/6/2022, tại cục cảnh sát. Số điện thoại: 0902418888.

Địa chỉ: số nhà 24, HT, quận HBT, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hộ ông Bùi Văn T được quyền sử dụng 2670 m² đất thừa số 08, tờ bản đồ số 47a, tại địa chỉ: Xóm D, xã YB, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Năm 2000 được UBND huyện LS, tỉnh Hòa Bình. *(nay là huyện TT, thành phố Hà Nội)* cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số N: 969680, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 01866. QSDĐ/H447/QĐ-UB, ngày 12/9/2000, mang tên hộ ông Bùi Văn T. Ngày 11/11/2006 ông Bùi Văn T và ông Hoàng Văn S tiến hành lập Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo đó:

Ông Bùi Văn T chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn S 1270 m² trong thửa đất nêu trên. Ngày 20/12/2006, UBND huyện LS đã đồng ý cho ông Bùi Văn T chuyển nhượng một phần thửa đất diện tích 1270 m², cho ông Hoàng Văn S, đồng thời tách và cấp GCNQSDĐ số: AH 004207, thành thửa số: 98, tờ bản đồ số 47-a, địa chỉ: Xóm D, xã YB, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, vào sổ cấp GCNQSDĐ: HG00122, mang tên Hộ ông Hàng Văn S.

Do hợp đồng chuyển nhượng và thủ tục hồ sơ xin tách, cấp GCNQSDĐ giữa các bên chưa tuân thủ theo đúng các quy định của luật đất đai, nên đến nay các bên vẫn chưa thực hiện được hợp đồng. Hiện tại hộ gia đình ông Bùi Văn T vẫn đang khai thác, quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên và GCNQSDĐ mang tên hộ ông Hoàng Văn S.

2.2. Nay các bên thống nhất đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Bùi Văn T và ông Hoàng Văn S ngày 11/6/2006, do UBND huyện LS, tỉnh Hòa Bình tách và cấp một phần đất từ thửa số 08, tờ bản đồ số 47a, tại địa chỉ: Xóm D, xã YB, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, thành thửa số: 98, tờ bản đồ số 47-a, GCNQSDĐ số: AH 004207, vào sổ cấp GCNQSDĐ: HG00122, ngày 20/12/2006, mang tên hộ ông Hoàng Văn S Vô hiệu.

Hai bên tự giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu Tòa xem xét.

Ông Bùi Văn T, bà Hoàng Thị T và anh Bùi Kỳ K có quyền và nghĩa vụ đem giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N: 969680, mang tên Hộ ông Bùi Văn T, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 01866. QSDĐ/H447/QĐ-UB, ngày 12/9/2000, do UBND huyện LS cấp và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AH 004207, mang tên hộ ông Hoàng Văn S, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: HG00122, ngày 20/12/2006, do UBND huyện LS cấp, để yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, căn cứ vào các quy định

của luật đất đai năm 2013, có trách nhiệm căn cứ vào Quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động, hoặc cấp giấy chứng nhận mới cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất phù hợp theo quyết định của Tòa án.

(kèm theo hồ sơ kỹ thuật trích đo thửa đất)

2.3. Về án phí:

- Ông Bùi Văn T và bà Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Anh Bùi Kỳ K chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/ 0032243 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh K 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thiết